

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2017

V/v: tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đoàn Tụ

2. Bà Dương Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng:
Không tham gia.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị B, sinh ngày 16/4/1978; địa chỉ: Xóm H, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tô Hải L, sinh ngày 11/10/1976; địa chỉ: Xóm H, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Trần Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị B kết hôn với anh L năm 1999, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi chị

B sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thường xuyên rượu chè, không giúp đỡ chị B chăm, nuôi con. Mỗi lần anh L say rượu hay gây gỗ và đánh đập chị B. Trong suốt thời gian chung sống, anh L đánh đập chị B rất nhiều lần, có lần chị B phải đi cấp cứu tại bệnh viện. Anh L không chỉ đánh đập vợ con mà còn có quan hệ bất chính với những người phụ nữ khác. Cụ thể, tháng 3/2016 anh L có quan hệ bất chính với em dâu của mình là cô Hoàng Thị L bị chồng cô L bắt quả tang và gọi xóm đến giải quyết có lập biên bản lưu tại xóm. Từ 30/4/2017 anh L chung sống với cô Nông Thị T trú tại xã X, huyện G, tỉnh Cao Bằng. Ngoài ra anh L còn có tật xấu là trộm tài sản của chị B mang đi bán để lấy tiền uống rượu và đánh bạc. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bị anh L luôn sử dụng vũ lực để đánh đập chị, chị B không thể chịu đựng được nữa nên cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung sinh đôi là Tô Trần Hải L1 và Tô Trần Hải L2, cùng sinh ngày 09/6/2000. Anh L không có việc làm, lại rượu chè suốt ngày không quan tâm đến con cái nên chị B yêu cầu được nuôi cả hai con chung cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị B và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải cũng như trong quá trình xét xử, bị đơn - anh Tô Hải L trình bày:

Về hôn nhân: Anh L xác nhận những lời khai của chị B về thời gian, điều kiện, thủ tục kết hôn đúng như chị B trình bày, anh L không có ý kiến gì thêm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị B nhấn tin với người yêu cũ, anh L đã từng đập nát điện thoại của chị B. Mỗi lần mâu thuẫn anh L lại uống rượu. Anh L nhận thấy bản thân cũng có lỗi trong mâu thuẫn vợ chồng nên đã tự răn đe bản thân để tu chí làm ăn. Tại phiên tòa chị B cương quyết yêu cầu ly hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh L đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị B.

Về nuôi con chung: Anh L nhất trí với yêu cầu của chị B. Cho chị B được chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu là Tô Trần Hải L1 và Tô Trần Hải L2, cùng sinh ngày 09/6/2000 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi và anh L không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về chia tài sản: Anh L và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 04/7/2017 của cháu Tô Trần Hải L1 và cháu Tô Trần Hải L2 trình bày: Chị B yêu cầu ly hôn anh L là do anh L hay uống rượu say về

nhà gây sự đánh đập, chửi bới chị B. Tình trạng này đã kéo dài nhiều năm. Nay anh L còn đi chung sống với người phụ nữ khác nhưng lại về xúc phạm, chửi bới chị B ngoại tình. Nếu chị B và anh L ly hôn, cháu L1 và cháu L2 có nguyện vọng muốn sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Trần Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tô Hải L. Anh L có hộ khẩu và địa chỉ thường trú tại xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về quan hệ vợ chồng:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân thị trấn Y cấp ngày 24/6/1999 giữa Trần Thị B và Tô Hải L, hôn nhân của chị B và anh L là hôn nhân hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, theo lời khai của chị B nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L uống rượu say về đánh đập, chửi bới chị B. Tình trạng này đã kéo dài nhiều năm. Ngoài ra anh L còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và trộm tài sản của chị B đi bán để lấy tiền uống rượu, đánh bạc. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh L là do anh L uống rượu về đánh đập, chửi bới chị B, các con chị B đã xác nhận vấn đề này. Theo Điều 19, 21 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ danh dự, nhân phẩm cho nhau. Tuy nhiên, anh L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình mà có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh L nhất trí được thuận tình ly hôn với chị B. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng yêu cầu ly hôn của chị B và sự thuận tình ly hôn của anh L là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị B và anh L xác nhận anh, chị có hai con chung sinh đôi ngày 09/6/2000 là Tô Trần Hải L1 và Tô Trần Hải L2. Chị B yêu cầu được nuôi cả hai con chung cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L không đưa ra yêu

cầu về con chung vì anh L không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, anh L đồng ý để chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và anh L không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của các bên, chị B là giáo viên có thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi các con. Mặt khác, cháu L1 và cháu L2 có nguyện vọng sống chung với mẹ. Về phía anh L không có việc làm, thu nhập không ổn định lại hay uống rượu và đánh đập vợ con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L1 và cháu L2 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu. Ghi nhận ý kiến của chị B về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị B và anh L không đưa ra yêu cầu về chia tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét để giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị B với anh Tô Hải L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn Y cấp ngày 24/6/1999 giữa Trần Thị B và Tô Hải L không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao hai cháu Tô Trần Hải L1 và Tô Trần Hải L2, cùng sinh ngày 09/6/2000 cho chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tô Hải L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Do chị B và anh L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/02498 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND thị trấn Y;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Ngôn Ngọc Viên